

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUW

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 28/11/2021

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Lê Hữu Độ	Nam	25/8/1999	Hà Tĩnh	7.7	6.5	2504/QĐ442/2021	TH002544	
2	Hồ Viết Đức	Nam	03/12/1994	Nghệ An	7.0	9.0	2505/QĐ442/2021	TH002545	
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	26/01/1999	Nghệ An	7.7	9.5	2506/QĐ442/2021	TH002546	
4	Lê Nguyên Hiếu	Nam	06/10/1979	Hà Tĩnh	6.3	8.0	2507/QĐ442/2021	TH002547	
5	Lê Thị Hồng	Nữ	12/8/1994	Nghệ An	6.7	5.5	2508/QĐ442/2021	TH002548	
6	Bùi Văn Hùng	Nam	04/5/1993	Nghệ An	5.3	6.0	2509/QĐ442/2021	TH002549	
7	Vũ Thị Hương	Nữ	28/12/1975	Nghệ An	5.7	7.5	2510/QĐ442/2021	TH002550	
8	Lữ Thị Thùy Linh	Nữ	20/6/1998	Nghệ An	6.0	5.5	2511/QĐ442/2021	TH002551	
9	Nguyễn Thị Linh	Nữ	31/8/1998	Nghệ An	7.0	6.5	2512/QĐ442/2021	TH002552	
10	Lê Thị Lý	Nữ	18/5/1984	Nghệ An	6.3	7.5	2513/QĐ442/2021	TH002553	
11	Nguyễn Thị Mai	Nữ	15/5/1994	Nghệ An	7.0	8.5	2514/QĐ442/2021	TH002554	
12	Bùi Thị Nga	Nữ	20/10/1985	Hà Tĩnh	6.7	5.0	2515/QĐ442/2021	TH002555	
13	Nguyễn Thị Nga	Nữ	02/02/1996	Nghệ An	7.3	9.0	2516/QĐ442/2021	TH002556	
14	Nguyễn Thị Hằng Nga	Nữ	04/3/2000	Hà Tĩnh	5.7	7.5	2517/QĐ442/2021	TH002557	
15	Đặng Thị Oanh	Nữ	08/10/1987	Nghệ An	7.3	6.0	2518/QĐ442/2021	TH002558	
16	Ngô Thị Quế	Nữ	05/6/1998	Nghệ An	6.0	8.0	2519/QĐ442/2021	TH002559	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
17	Nguyễn Văn Quyền	Nam	29/10/1991	Nghệ An	6.3	7.5	2520/QĐ442/2021	TH002560	
18	Nguyễn Thái Sơn	Nam	09/11/1981	Nghệ An	7.0	8.5	2521/QĐ442/2021	TH002561	
19	Võ Thị Phương Thảo	Nữ	23/10/1991	Nghệ An	6.3	7.5	2522/QĐ442/2021	TH002562	
20	Hồ Thị Trúc	Nữ	07/10/1999	Nghệ An	6.3	7.5	2523/QĐ442/2021	TH002563	
21	Hoàng Thị Xuân	Nữ	12/8/1977	Nghệ An	5.7	7.0	2524/QĐ442/2021	TH002564	

